TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/DS-ST
Ngày 09 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng.
Bà Trương Ánh Hoa;
***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 788/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tiết Bích C; sinh năm: 1964;
Địa chỉ cư trú: đường M, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1991 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thanh T; sinh năm: 1959 (có mặt);
Ông Phạm Văn B, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: đường N, khóm H, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
Bà Tô Hồng P, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/02/2023 bà Tiết Bích C có cho ông Phạm Văn B và bà Lâm Thanh T vay số tiền 1.668.000.000đ, lãi suất 1,5%/tháng. Khi vay, ông B, bà T có cầm cố giấy tờ nhà, đất tại thửa số 16, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.600m^2, gồm các giấy tờ: thông báo không số ngày 08/8/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư (bản photo có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất); kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 17/02/2012 (bản chính); thông báo ngày

17/02/2012 của Ủy ban nhân dân Tp Cà Mau (bản photo) nhưng không lập hợp đồng, chỉ giao nhận giấy tờ với nhau để làm tin, đồng thời thỏa thuận vợ chồng ông B lập hợp đồng ủy quyền để bà C nhận tiền đền bù và tái định cư nhưng không thực hiện được. Sau khi vay bà T, ông B không đóng lãi cũng không trả vốn. Vì vậy nay bà Tiết Bích C yêu cầu bà Lâm Thanh T, ông Phạm Văn B trả lại số tiền 1.668.000.000đ (Một tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng). Sau khi bà T, ông B thanh toán xong nợ bà C đồng ý trả lại các giấy tờ đã nhận cầm cố. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa bà Lâm Thanh T trình bày:

Vào khoảng tháng 02, tháng 3/2021 bà có mượn tiền của bà Tô Hồng P nhiều lần với tổng số tiền 375.000.000đ, gồm: 65.000.000đ, lãi suất 5%/tháng; 100.000.000đ lãi suất 6%/tháng; 150.000.000đ lãi suất 6%/tháng, 50.000.000đ lãi suất 8%/tháng; 10.000.000đ lãi suất 10%/tháng, bà đóng lãi đến hết năm 2022 là không còn khả năng đóng nên ngưng.

Sau đó bà P tự lập cho bà 05 chân hụi, không rõ nguồn gốc chủ hụi là ai và số tiền của các chân hụi bà phải đóng là 05 dây, mỗi 01 dây vô 01 chưng loại hụi 2.000.000đ, 01 dây loại hụi 3.000.000đ vô 01 chưng. Mỗi dây vô được vài kỳ thì hốt sau đó bà có đóng lại hụi chết được 14 chưng, còn lại 18 chưng bà P chốt lại và yêu cầu đóng lãi nhưng bà không khả năng nên yêu cầu bà cố đất để làm tin. Đến khoảng tháng 10/2023 bà P kêu bà qua nhà chốt nợ số tiền 1.667.700.000đ và tiền làm hợp đồng ra công chứng 300.000đ nên tổng cộng là 1.668.000.000đ. Đối với các giấy tờ thông báo không số ngày 08/8/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư (bản photo có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất); kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 17/02/2012 (bản chính); thông báo ngày 17/02/2012 của Ủy ban nhân dân Tp Cà Mau (bản photo) là đưa cho bà P để đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà P không làm được nên giữ lại không trả cho bà.

Nay bà xác định bà vay tiền và giao dịch tiền hụi với bà P, bà không biết bà Tiết Bích C là ai. Đối với số tiền 1.668.000.000đ thể hiện tại biên nhận ngày 26/02/2023 do nguyên đơn cung cấp bà xác định bà có ký tên nhưng khi ký bà không xem nội dung. Thực tế trong số tiền 1.668.000.000đ có số tiền vốn 1.227.020.000đ còn lại 440.980.000đ là tiền lãi. Nay bà đồng ý thanh toán cho bà P số tiền 1.000.000.000đ, số tiền còn lại 668.000.000đ bà xin không thanh toán do hoàn cảnh khó khăn. Đối với ông B không vay tiền cũng không biết số nợ 1.668.000.000đ.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn B không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà Tô Hồng P trình bày:

Bà xác định bà có làm ăn chung với bà T nhưng đôi bên đã tất toán tất cả nợ nên không ý kiến gì thêm. Đối với số tiền 1.668.000.000đ bà C kiện bà T, ông B là tiền của bà C, không liên quan đến bà nên bà không liên quan. Đối với các giấy tờ tính tiền với bà T gồm 01 giấy tính tiền chị 3 B; danh sách tổ hùng vốn; chi tiết chi trả lãi và đóng dứt tiền hụi ngày 18/01/2023; thông báo giao việc đóng tiền hụi chết; tính tiền chị Lâm Thanh T (chị 3 B) ngày 28/7/2022; giấy ghi tính tiền lãi (Không tiêu đề) là do bà

viết nhưng bà xác định các giấy tờ nêu trên giữa bà và bà T đã tất toán nên không liên quan trong vụ án bà C khởi kiện bà T và cũng không đồng ý cung cấp tên, địa chỉ các chủ hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Tô Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phạm Văn B đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà C cho rằng bà T, ông B có cầm cố giấy tờ đất nhằm mục đích bà T, ông B ủy quyền bà C toàn quyền nhận tiền đền bù, nền tái định cư và nhà ở xã hội nhưng không thực hiện được việc ủy quyền, cũng không lập hợp đồng cầm cố, chỉ lập biên nhận tiền ngày 26/02/2023. Nay bà C yêu cầu bị đơn trả lại tiền đã nhận cầm cố, bà C đồng ý trả lại giấy tờ đã nhận nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng cầm cố.

[3] Về nội dung: Bà Tiết Bích C yêu cầu bà Lâm Thanh T, ông Phạm Văn B thanh toán tổng số tiền đã nhận cầm cố là 1.668.000.000đ và đồng ý trả lại các giấy tờ đã nhận. Đối với bà Lâm Thanh T thừa nhận có giao dịch tiền với bà Tô Hồng P và còn nợ bà Tô Hồng P số tiền 1.668.000.000đ nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả 1.000.000.000đ còn lại là 668.000.000đ bà xin không thanh toán. Bà xác định bà không vay tiền bà C, cũng không giao dịch cầm cố với bà C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên nhận ngày 26/02/2023 thể hiện bà Lâm Thanh T có nhận số tiền 1.668.000.000đ. Lý do nhận: Giao dịch cầm cố đất tại khóm 5, phường 9, thành phố Cà Mau. Quá trình giải quyết nguyên đơn xác định ban đầu các bên có thỏa thuận cầm cố đất để tiến hành thủ tục ủy quyền nhận tiền đền bù, nền tái định cư và nhà ở xã hội. Nhưng do không thực hiện được việc ký Hợp đồng ủy quyền nên nay nguyên đơn yêu cầu trả lại tiền đã giao là 1.668.000.000đ. Thực tế bà C có đưa tiền bà T, ông B thể hiện tại biên nhận tiền ngày 26/02/2023 và bà T, ông B giao các giấy tờ như: thông báo không số ngày 08/8/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư (bản photo có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất); kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 17/02/2012 (bản chính); thông báo ngày 17/02/2012 của Ủy ban nhân dân Tp Cà Mau (bản photo) để làm tin do nhà, đất của bị đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Việc bà T cho rằng bà vay tiền bà Tô Hồng P, không vay tiền bà Tiết Bích C là không cơ sở chấp nhận. Bởi bà P cho rằng giữa bà và bà T có làm ăn chung, các giấy tờ bà T cung cấp bà P thừa nhận chữ của bà ghi nhưng đã tất toán xong, không còn liên quan với nhau và bà P xác định số tiền 1.668.000.000đ hiện bà C đang khởi kiện là tiền của bà C, không liên quan đến bà. Hơn nữa bà T thừa nhận biên nhận tiền ngày 26/02/2023 tại phần phía dưới người nhận tiền có ghi: "Tôi đã nhận đủ tiền, ký tên Lâm Thanh T" do bà ký và viết, người giao tiền Tiết Bích C nên có cơ sở xác định bà Lâm Thanh T nợ bà Tiết Bích C vì vậy bà T có trách nhiệm đối với khoản nợ này. Do đó cần buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận là:

1.668.000.000đ. Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn các giấy tờ: thông báo không số ngày 08/8/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư (bản photo có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất); kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 17/02/2012 (bản chính); thông báo ngày 17/02/2012 của Ủy ban nhân dân Tp Cà Mau (bản photo).

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ: Bà Lâm Thanh T cho rằng ông Phạm Văn B không tham gia giao dịch vay tiền nên không liên quan đến khoản nợ của bà C. Tuy nhiên, ông B không gửi văn bản trình bày ý kiến, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa về việc nguyên đơn khởi kiện. Hơn nữa, ông Phạm Văn B và bà Lâm Thanh T có mối quan hệ hôn nhân nên ông bà cùng có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định nên bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 309, 315, 316, 468 Bộ luật dân sự; Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lâm Thanh T, ông Phạm Văn B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Tiết Bích C tổng số tiền là: 1.668.000.000đ (Một tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, ông B không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Bà Tiết Bích C có nghĩa vụ trả lại bà Lâm Thanh T, ông Phạm Văn B các giấy tờ sau: 01 Thông báo không số ngày 08/8/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư (bản photo có đóng dấu treo của Trung tâm phát triển quỹ đất); 01 kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 17/02/2012 (bản chính); thông báo ngày 17/02/2012 của Ủy ban nhân dân Tp Cà Mau (bản photo) khi bà T, ông B thực hiện xong nghĩa vụ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Lâm Thanh T, ông Phạm Văn B được miễn nộp án phí theo quy định.

+ Bà Tiết Bích C không phải nộp án phí. Vào ngày 27/12/2023 bà Tiết Bích C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 31.020.000đ, tại lai thu số 0007854 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Thu